

Số: 09/2026/QĐST-HNGĐ

V, ngày 27 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – V**

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 01/2026/TLST-VDS ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Phạm Quốc D, sinh năm: 1985; Địa chỉ: 329, ấp K, xã G, tỉnh V (Trước đây là 329, ấp K, xã B, huyện G, tỉnh B).

- Bà Đào Thị Hoa L, sinh năm: 1992; Địa chỉ: 329, ấp K, xã G, tỉnh V (Trước đây là 329, ấp K, xã B, huyện G, tỉnh B).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Phạm Quốc D và bà Đào Thị Hoa L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh B (nay là xã G, tỉnh V), nên quan hệ hôn nhân của ông D và bà L là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, ông bà đã sống ly thân và bỏ mặc nhau không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa

thuận việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Lê Phạm Quốc D và bà Đào Thị Hoa L có 02 con chung tên là Lê Thị Thảo N, sinh ngày 12/01/2009 và Lê Anh P, sinh ngày 06/12/2013, hiện cả 02 con chung đang sống chung với ông D. Quá trình nuôi dưỡng, ông D đảm bảo tốt lợi ích về mọi mặt và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng con. Ông D, bà L thỏa thuận, sau khi ly hôn ông D tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung chưa thành niên, sự thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...”. Vì vậy, Tòa án công nhận giao cả 02 con chung chưa thành niên là con chung là Lê Thị Thảo Ngân và Lê Anh Phong cho ông D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Bà L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên, do ông D không có yêu cầu, đây là sự tự nguyện của ông D nên cần ghi nhận.

[4] Về quyền thăm nom con: Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Ông Lê Phạm Quốc D và bà Đào Thị Hoa L trình bày ông bà tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông Lê Phạm Quốc D và bà Đào Thị Hoa L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Ông Lê Phạm Quốc D và bà Đào Thị Hoa L mỗi người phải chịu là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông D, bà L đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000211 ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh V. Ông D và bà L đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Phạm Quốc D và bà Đào Thị Hoa L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Phạm Quốc D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung chưa thành niên là Lê Thị Thảo N, sinh ngày 12/01/2009 và Lê Anh P, sinh ngày 06/12/2013. Bà L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên, do ông D không có yêu cầu.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Lê Phạm Quốc D và bà Đào Thị Hoa L trình bày ông bà tự thoả thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê Phạm Quốc D và bà Đào Thị Hoa L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Toà án:

Ông Lê Phạm Quốc D và bà Đào Thị Hoa L mỗi người phải chịu là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông D, bà L đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng

theo biên lai thu số 0000211 ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh V. Ông D và bà L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát khu vực 7-V;
- Thi hành án dân sự tỉnh V;
- Tòa án nhân dân tỉnh V;
- Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh V;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền